

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-4-2021
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 937/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Diệu T, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn H, huyện L, tỉnh V; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2020 và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Diệu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đặng Văn Q kết hôn với nhau vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18/8/2020 tại Ủy ban nhân

dân xã Q, huyện T, thành phố H. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh Q sinh sống tại thôn T, xã Q nhưng chưa chuyển khẩu. Quá trình chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, không tin tưởng nhau. Do mâu thuẫn nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại Tổ dân phố L, thị trấn H, huyện L, tỉnh V từ cuối tháng 9 năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị T trình bày chị và anh Q không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày chị và anh Q không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đặng Văn Q là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Diệu T được ly hôn anh Đặng Văn Q; về con chung: Chị Trần Diệu T và anh Đặng Văn Q không có con chung nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Q chưa có ý kiến nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Trần Diệu T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, bị đơn là anh Đặng Văn Q vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Diệu T và anh Đặng Văn Q đã xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 30 đăng ký ngày 18/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, thành phố H). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh thể hiện quá trình chung sống được một thời gian rất ngắn thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9 năm 2020, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ cuối tháng 9 năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm nhau. Anh Đặng Văn Q vẫn cư trú tại thôn T, xã Q, huyện T, thành phố H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa 02 lần nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chứng tỏ anh Q không tha thiết níu kéo hôn nhân với chị T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy việc xin ly hôn của chị T với anh Q là phù hợp với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát và phù hợp với tình trạng thực tế của vợ chồng, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị T trình bày chị và anh Q không có tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Q chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Diệu T và anh Đặng Văn Q.
2. Về con chung: Chị Trần Diệu T và anh Đặng Văn Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Trần Diệu T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đặng Văn Q chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.
4. Về án phí: Chị Trần Diệu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015638 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Trần Diệu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Trần Diệu T và bị đơn là anh Đặng Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Q, huyện T, thành phố H
(Giấy CNKH số 30 đk ngày 18/8/2020);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nam Ninh